

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK SONG
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2024/DS-ST.
Ngày: 26-7-2024.
V/v: Tranh chấp hợp đồng gửi
giữ tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hà.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Hồ Thị Thu Uyên và bà Võ Thị Thanh Huệ.

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Nhân, là Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 311/2023/TLST-DS ngày 19 tháng 12 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2024/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2024/QĐST-DS ngày 04 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Ngô Thị N (tên gọi khác: chị T), sinh năm 1965 – *Vắng mặt.*

Địa chỉ: Thôn N, xã B, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Ngô Thị N: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1994 – Văn bản ủy quyền ngày 28-12-2023 – *Có mặt.*

Bị đơn: Ông Phạm Văn N, sinh năm 1963 và bà Đỗ Thị H, sinh năm 1970 – *Vắng mặt.*

Địa chỉ: Thôn M, xã B, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 02-02-2008, bà Ngô Thị N (chị T) có đến đại lý HN của gia đình ông Phạm Văn N và bà Đỗ Thị H gửi 750kg cà phê nhân xô đủ độ. Ngày 26-02-2008 bà N tiếp tục gửi 833kg cà phê nhân xô đủ độ. Tổng số cà phê nhân xô bà N gửi tại đại lý của gia đình ông N, bà H là 1.583kg.

Ngày 05-3-2008, bà N đến đại lý HN mua 01 tấn phân lân Long Thành trị giá 3.500.000 đồng và 01 bao phân SA trị giá 400.000 đồng, tổng cộng thành tiền là 3.900.000 đồng. Bà N chưa thanh toán tiền phân bón cho ông N, bà H.

Sau khi bà N gửi cà phê tại đại lý HN, nhiều lần bà đến yêu cầu ông N, bà H trả số tiền tương ứng với số lượng cà phê đã gửi nhưng ông N, bà H không tiến hành chốt giá và thanh toán.

Nay thời gian đã quá lâu, bà N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phạm Văn N và bà Đỗ Thị H trả lại 1.583kg cà phê nhân xô đủ độ bà đã gửi. Khi ông N, bà H trả hết cà phê thì bà sẽ trả lại 3.900.000 đồng tiền mua phân bón cho ông N, bà H.

Đối với đề nghị được trả dần của ông N, bà N trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bà N không đồng ý.

Bị đơn ông Phạm Văn N trình bày:

Tôi và bà Đỗ Thị H là vợ chồng, đăng ký kết hôn năm 1989 tại xã Thuận Hạnh, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Lắk (cũ).

Từ năm 2001, tôi có kinh doanh phân bón, nông sản. Bà H làm nội trợ trong gia đình, hoàn toàn không biết về việc kinh doanh của tôi. Toàn bộ công việc kinh doanh do tôi phụ trách.

Bà Ngô Thị N là người quen biết trước đây, đồng thời là khách hàng mua phân bón. Theo giấy biên nhận do bà N cung cấp tại Tòa án, đúng là chữ viết và chữ ký của tôi. Theo đó ngày 02-02-2008 tôi có nhận của bà N (chị T) gửi 750kg cà phê nhân; ngày 26-02-2008 tôi có nhận của bà N 833kg cà phê nhân. Hình thức hai bên thỏa thuận là tôi nhận cà phê, khi nào bà N cần tiền thì tới bán cà phê lấy tiền.

Ngày 05-3-2008, bà N đến lấy 01 tấn phân lân Long Thành trị giá 3.500.000 đồng và 01 bao phân SA trị giá 400.000 đồng, thành tiền tổng cộng là 3.900.000 đồng. Số phân bón này lẽ ra khi nào giữa tôi và bà N thanh toán tiền gửi cà phê sẽ trừ ra nhưng đến nay chưa trừ.

Cuối năm 2008, việc làm ăn của tôi phát sinh sự cố, đối tác thua lỗ không thể chi trả được tiền dẫn đến tôi cũng mất khả năng chi trả cho bà N. Nay bà Ngô Thị N khởi kiện, tôi thừa nhận số cà phê nhận gửi và đồng ý trả. Tuy nhiên, hiện tại sức khỏe của tôi và bà H yếu, tuổi tác đã cao, đang ở nhà thuê và đi làm thuê để mưu sinh, không có tài sản gì, không có khả năng chi trả. Tôi đề nghị được trả dần trong vòng 5 năm, 4 năm đầu mỗi năm trả 300kg cà phê nhân. Năm cuối cùng trả 383kg cà phê nhân. Thời gian trả vào ngày 20-12 hàng năm.

Đối với số tiền quy ra từ phân bón bà N đã lấy là 3.900.000 đồng thì cần trừ vào số cà phê tôi phải trả vào giá cà phê nhân của ngày 20-12 năm thứ 5.

Do tôi là người đứng ra chịu trách nhiệm kinh doanh của gia đình và tôi là người ký nhận cà phê gửi của bà N. Vì vậy, đề nghị chỉ buộc tôi trả, không buộc vợ tôi cùng trả nợ. Trước đây tôi có đăng ký hộ kinh doanh cá thể Phạm Văn N nhưng đã giải thể hơn 10 năm.

Tại phiên tòa: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là chị Phạm Thị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Trình bày toàn bộ cà phê nhân do mẹ chị, bà Ngô Thị N gửi tại nhà ông N, bà H. Ông N là người ký nhận số cà phê mẹ chị đã gửi. Đến nay hai bên chưa chốt giá bán. Đã nhiều lần mẹ chị yêu cầu nhưng ông N, bà H không trả, nói mẹ chị muốn làm gì thì làm chứ ông bà không trả được. Nay chị yêu cầu Hội đồng xét xử tuyên buộc bị đơn ông Phạm Văn N và bà Đỗ Thị H trả lại 1.583kg cà phê nhân bà N đã gửi năm 2008.

Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn là ông Phạm Văn N và bà Đỗ Thị H.

Về việc giải quyết vụ án: Từ các tài liệu, chứng cứ và trình bày của đương sự đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 559, 561, 562 và Điều 564 của Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình, buộc ông Phạm Văn N và bà Đỗ Thị H trả cho bà Ngô Thị N 1.583kg cà phê nhân.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Xét nội dung yêu cầu khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp, Tòa án thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử thay đổi và xác định lại quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng gửi giữ tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Phạm Văn N và bà Đỗ Thị H có địa chỉ tại Thôn M, xã B, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị N, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét hợp đồng gửi giữ tài sản (*là biên nhận, bản gốc do nguyên đơn cung cấp, được bị đơn ông Phạm Văn N thừa nhận*):

Ngày 02-02-2008, ông Phạm Văn N nhận của chị T (bà Ngô Thị N), Thôn N, xã B, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, loại hàng hóa là cà phê nhân, số lượng gửi 750kg. Ngày 26-02-2008, ông Phạm Văn N nhận của chị T (bà N), Thôn N, xã B, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, loại hàng hóa là cà phê nhân, số lượng gửi 833kg. Đây là hợp

đồng gửi giữ tài sản theo quy định tại Điều 559 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và đã phát sinh hiệu lực thực hiện giữa các bên tham gia ký kết.

Việc gửi giữ cà phê được bị đơn ông Phạm Văn N thừa nhận chữ ký, chữ viết, số lượng và thời gian nhận gửi giữ. Bị đơn ông Phạm Văn N đồng ý trả số lượng cà phê nhận gửi giữ của bà Ngô Thị N nhưng đề nghị được trả dần. Phía nguyên đơn không đồng ý với các thời hạn trả dần do ông N đưa ra.

Hợp đồng gửi giữ không ghi thời hạn gửi hoặc thời hạn thanh toán tiền hàng hóa đã gửi, các bên chưa tiến hành chốt giá bán hoặc chuyển thành tiền. Theo trình bày của bị đơn ông Phạm Văn N, năm 2008 việc làm ăn kinh doanh của ông phát sinh sự cố dẫn đến mất khả năng thanh toán. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày đã nhiều lần yêu cầu ông N, bà H thanh toán tiền tương ứng với số lượng cà phê nhân đã gửi hoặc trả lại số lượng cà phê nhân đã gửi nhưng bị đơn không trả (yêu cầu trả được một số người tại Phòng Công chứng Lê Thị Dung xác nhận). Căn cứ Điều 564 của Bộ luật Dân sự năm 2005, yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị N về việc buộc ông Phạm Văn N và bà Đỗ Thị H hoàn trả số lượng hàng hóa bà N đã gửi giữ 1.583kg cà phê nhân là có căn cứ, đúng pháp luật, cần chấp nhận.

Từ ngày gửi cà phê cho đến ngày xét xử, giữa bà Ngô Thị N và ông Phạm Văn N, bà Đỗ Thị H không chốt bán cà phê cho nhau. Vì vậy, tranh chấp giữa các bên được xác định là tranh chấp hợp đồng gửi giữ tài sản. Đối với nội dung trong biên nhận: “*ngày 05-3-2008 cô Tuế đến lấy một tấn lân Long Thành trị giá 3,5 triệu và 1 bao SA trị giá bốn trăm ngàn. Tổng cộng 3.900.000đ (ba triệu chín trăm ngàn)*”: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có yêu cầu phản tố, nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết mà trình bày sẽ trừ khi ông N, bà H giao đủ cà phê nhân. Căn cứ Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án không có thẩm quyền giải quyết, do đó cũng không xác định quan hệ tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa.

Về nghĩa vụ trả tài sản: Ông Phạm Văn N và bà Đỗ Thị H là vợ chồng, mặc dù ông N trình bày việc kinh doanh do một mình ông thực hiện và quyết định, vợ ông là nội trợ, không được ông thông báo lại và không có liên quan. Tuy nhiên, căn cứ Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình, nhận thấy bà H là nội trợ, ông N thực hiện công việc kinh doanh. Do đó hoạt động kinh doanh của ông N là nhằm đáp ứng các nhu cầu thiết yếu của gia đình, với mục đích phát triển kinh tế gia đình. Vì vậy, cần buộc ông Phạm Văn N và bà Đỗ Thị H cùng có nghĩa vụ liên đới trả 1.583kg cà phê nhân cho bà Ngô Thị N.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngô Thị N được chấp nhận nên ông Phạm Văn N và bà Đỗ Thị H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các Điều 559, 561, 562 và Điều 564

của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị N đối với ông Phạm Văn N và bà Đỗ Thị H.

Buộc ông Phạm Văn N và bà Đỗ Thị H phải trả cho bà Ngô Thị N 1.583kg (*Một nghìn năm trăm tám mươi ba kilogam*) cà phê nhân xô.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày người có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Giá cà phê nhân tại tỉnh Đắk Nông ngày 26-7-2024 là 125.500 đồng/kg. $125.500 \times 1.583\text{kg} = 198.866.500$ đồng.

Ông Phạm Văn N và bà Đỗ Thị H phải nộp 9.933.325đ (*Chín triệu chín trăm ba mươi ba nghìn ba trăm hai mươi lăm đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà Ngô Thị N 2.612.000đ (*Hai triệu sáu trăm mười hai nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001554 ngày 18 tháng 12 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THADS huyện Đắk Song;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký và đóng dấu

Lê Thị Thu Hà